

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ**

Bản án số: 282/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2018

V/v Ly hôn giữa chị T và anh Đ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Công Đ, sinh năm 1984; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2012, do quen biết, tìm hiểu chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Công Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 06/11/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không chí thú làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về đánh chị nhiều lần. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Từ đó, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nên vợ chồng sống ly

thân từ tháng 8/2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Bùi Thị Chúc H, sinh ngày 05/03/2014. Hiện cháu đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được giành quyền nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Bùi Công Đ vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Công Đ ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Chúc H, sinh ngày 05/3/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có tranh chấp.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc tham gia tố tụng: Bị đơn anh Bùi Công Đ vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị T và anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do anh Đ không chí thú làm ăn và thường xuyên ăn chơi. Chị T xác định thời gian sống ly thân thì không ai quan tâm tới ai. Chị T nộp đơn khởi kiện, khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, chị T cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Đ, anh Đ tiếp tục vắng mặt không lý do. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 26/6/2018 xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên ăn nhậu, không lo cho vợ con nên chị T bất mãn bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Đồng Tháp sinh sống. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, chị T xin ly hôn với anh Đ là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Bùi Thị Chúc H, sinh ngày 05/3/2014. Hiện cháu đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được giành quyền nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc sống ly thân, cháu H đang sống ổn định bên chị T. Hơn nữa, chị T cũng có công việc, thu nhập ổn định và đã nuôi cháu đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Mặc khác, quá trình sống ly thân, anh Đ không quan tâm, chăm sóc, giáo dục con chung cùng với chị T. Hiện cháu còn nhỏ rất cần được sự chăm sóc của mẹ. Chính vì vậy, để ổn định sự phát triển bình thường về mặt tâm lý cho cháu nên cần thiết tiếp tục cho cháu sống ổn định như ban đầu. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho anh Đ không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom đối với anh Đ. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.3] Tài sản chung; nghĩa vụ chung: Chị T xác định không có nhưng do xét xử vắng mặt anh Đ nên không rõ ý kiến của anh Đ như thế nào. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

[3] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Công Đ là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Công Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Thị Chúc H, sinh ngày 05/03/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung; Nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên có tranh chấp.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 000891 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ. Công nhận chị T đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND thị trấn Cờ Đỏ;
- Đường sự;
- Lưu.

Võ Minh Phụng